PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 2485 /STC-THQH ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Sở Tài chính)

Thời điểm số liệu báo cáo: Năm 2024 do cơ quan có thẩm quyền công bố

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tiêu chí dân số		Tiêu chí trình độ phát triển		Tiêu chí diện tích tự nhiên (ha)	Tiêu chí về đơn vị hành chính				Tiêu chí bổ sung		
		Dân số trung bình (người)	Số người DTTS (người)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số thu nội địa (tỷ đồng)		Số thôn, làng, tổ dân phố (thôn)	Xã miền núi, vùng cao (X)	Xã bãi ngang ven biển; đặc khu hải đảo (X)	Xã biên giới đất liền (X)	Xã ATK (X)	Xã ĐBKK (X)	Số thôn, làng ĐBKK (thôn)
	Đơn vị cung cấp số liệu	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Sở NN&MT; UBND cấp xã	Sở Tài chính	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã
	TỔNG SỐ												
1	Xã Tịnh Khê												
2	Xã An Phú												
3	Phường Cẩm Thành												
4	Phường Nghĩa Lộ												
5	Phường Trương Quang Trọng												
6	Phường Trà Câu												
7	Phường Đức Phổ												
8	Phường Sa Huỳnh												
9	Xã Nguyễn Nghiêm												
10	Xã Khánh Cường												
11	Xã Bình Minh												
12	Xã Bình Chương												
13	Xã Bình Sơn												
14	Xã Vạn Tường												
15	Xã Đông Sơn												
16	Xã Trường Giang												
17	Xã Ba Gia												
18	Xã Thọ Phong												
19	Xã Sơn Tịnh												
20	Xã Nghĩa Hành												
21	Xã Đình Cương												
22	Xã Thiện Tín												
23	Xã Phước Giang												
24	Xã Vệ Giang												
25	Xã Nghĩa Giang												
26	Xã Trà Giang												
27	Xã Tư Nghĩa												
28	Xã Long Phụng												
29	Xã Mỏ Cày												
30	Xã Mộ Đức												
31	Xã Lân Phong												
32	Xã Ba Vì												
33	Xã Ba Tô												
34	Xã Ba Dinh												
35	Xã Ba Động												

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tiêu chí dân số		Tiêu chí trình độ phát triển		Tiêu chí diện tích tự nhiên (ha)	Tiêu chí về đơn vị hành chính				Tiêu chí bổ sung		
		Dân số trung bình (người)	Số người DTTS (người)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số thu nội địa (tỷ đồng)		Số thôn, làng, tổ dân phố (thôn)	Xã miền núi, vùng cao (X)	Xã bãi ngang ven biển; đặc khu hải đảo (X)	Xã biên giới đất liền (X)	Xã ATK (X)	Xã ĐBKK (X)	Số thôn, làng ĐBKK (thôn)
	Đơn vị cung cấp số liệu	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Sở NN&MT; UBND cấp xã	Sở Tài chính	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã
36	Xã Ba Tơ												
37	Xã Ba Vinh												
38	Xã Đặng Thùy Trâm												
39	Xã Ba Xa												
40	Xã Sơn Hạ												
41	Xã Sơn Linh												
42	Xã Sơn Hà												
43	Xã Sơn Thủy												
44	Xã Sơn Kỳ												
45	Xã Sơn Tây Thượng												
46	Xã Sơn Tây Hạ												
47	Xã Sơn Tây												
48	Xã Minh Long												
49	Xã Sơn Mai												
50	Xã Trà Bồng												
51	Xã Đông Trà Bồng												
52	Xã Tây Trà												
53	Xã Thanh Bồng												
54	Xã Cà Đam												
55	Xã Tây Trà Bồng												
56	Đặc khu Lý Sơn												
57	Phường Kon Tum												
58	Phường Đăk Cấm												
59	Phường Đăk BLa												
60	Xã Ngọk Bay												
61	Xã Ia Chim												
62	Xã Đăk Rơ Wa												
63	Xã Đăk Pxi												
64	Xã Đăk Mar												
65	Xã Đăk Ui												
66	Xã Ngọk Réo												
67	Xã Đăk Hà												
68	Xã Ngọk Tụ												
69	Xã Đăk Tô												
70	Xã Kon Đào												
71	Xã Đăk Sao												
72	Xã Đăk Tờ Kan												
73	Xã Tu Mơ Rông												
74	Xã Măng Ri												
75	Xã Bờ Y												
76	Xã Sa Loong												

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tiêu chí dân số		Tiêu chí trình độ phát triển		Tiêu chí diện tích tự nhiên (ha)	Tiêu chí về đơn vị hành chính				Tiêu chí bổ sung		
		Dân số trung bình (người)	Số người DTTS (người)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số thu nội địa (tỷ đồng)		Số thôn, làng, tổ dân phố (thôn)	Xã miền núi, vùng cao (X)	Xã bãi ngang ven biển; đặc khu hải đảo (X)	Xã biên giới đất liền (X)	Xã ATK (X)	Xã ĐBKK (X)	Số thôn, làng ĐBKK (thôn)
	Đơn vị cung cấp số liệu	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Sở NN&MT; UBND cấp xã	Sở Tài chính	Thống kê tỉnh; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã
77	Xã Dục Nông												
78	Xã Xốp												
79	Xã Ngọc Linh												
80	Xã Đăk PLô												
81	Xã Đăk Pék												
82	Xã Đăk Long												
83	Xã Đăk Môn												
84	Xã Sa Thầy												
85	Xã Sa Bình												
86	Xã Ya Ly												
87	Xã Rờ Kơi												
88	Xã Mô Rai												
89	Xã Ia Tơi												
90	Xã Ia Đal												
91	Xã Đăk Kôi												
92	Xã Kon Braih												
93	Xã Đăk Rve												
94	Xã Măng Đen												
95	Xã Măng Bút												
96	Xã Kon Plông												